CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 1/2025

CTCP Thương mại & Khai thác khoáng sản Dương Hiếu

Ngày 31/03/2025	7,410 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-7.4%	**-**	**-6.7%**

DT thuần
Q1/25
434
tỷ VNĐ
QoQ: ▼383| -46.9%
YoY: ▼543| -55.6%

LN thuần
Q1/25
1.28
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 2.52| 203%
YoY: ▼2.16| -62.7%

LN sau thuế
Q1/25
1.02
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 2.11| 194%
YoY: ▼1.74| -63.0%

Tỷ suất lãi EBIT
Q1/25
1.5%
YoY: +/-▲ 0.8%

ROE (TTM)
Q1/25
0.2%
YoY: +/-▼ 0.5%

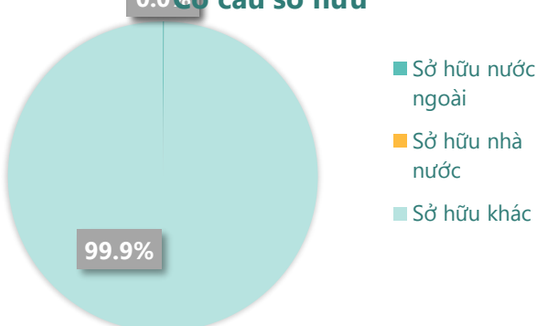
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	7,227 - 9,545
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	256
Số lượng CPLH (CP)	34,535,699
KLGD BQ 20 phiên (CP)	148,116
Sở hữu nước ngoài	0.1%
Beta	
EPS	24
P/E	314.8

DT thuần
2024
3,426
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 694| 25.4%

LN thuần
2024
4.09
tỷ VNĐ
YoY: ▼5.51| -57.4%

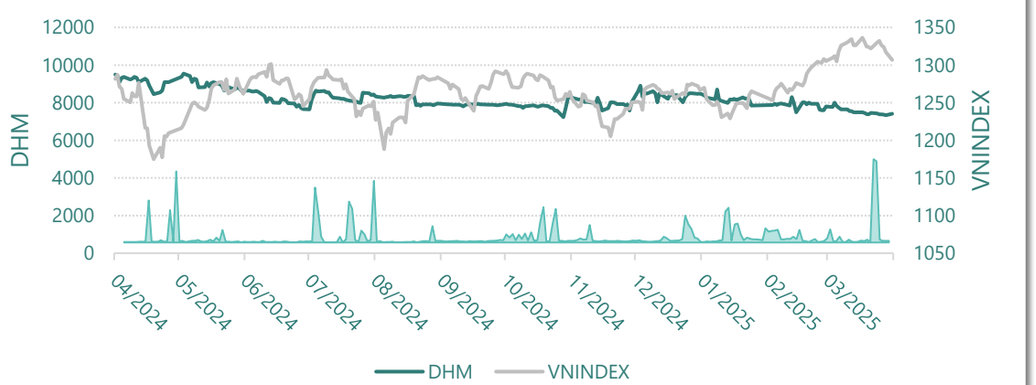
LN sau thuế
2024
2.78
tỷ VNĐ
YoY: ▼3.20| -53.6%

Cơ cấu sở hữu

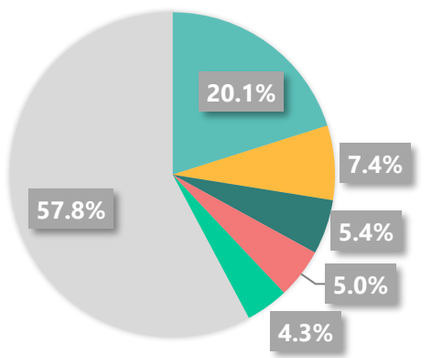


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

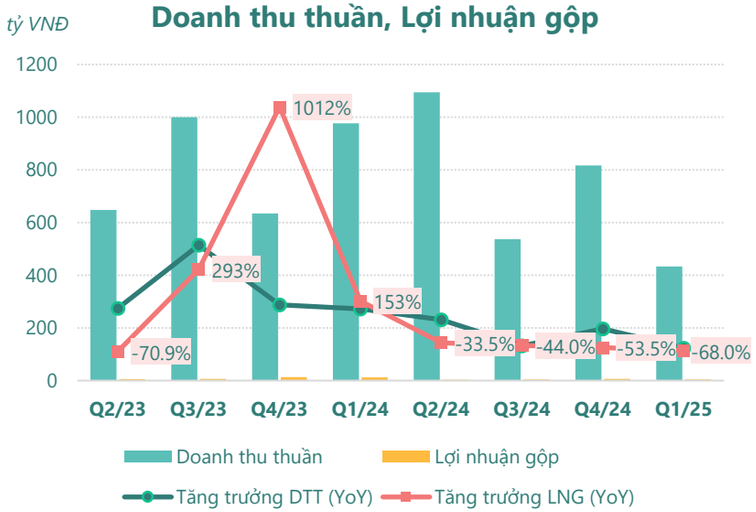


- Nguyễn Thị Dung (Tổng giám đốc)
- Trịnh Gia Tùng
- Trương Quang Thắng
- Lê Thanh Tuấn
- Dương Thị Thúy Hà
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

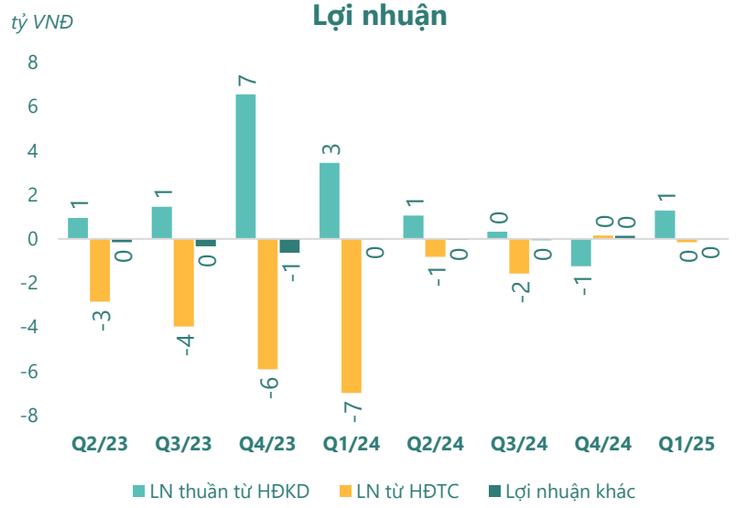
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



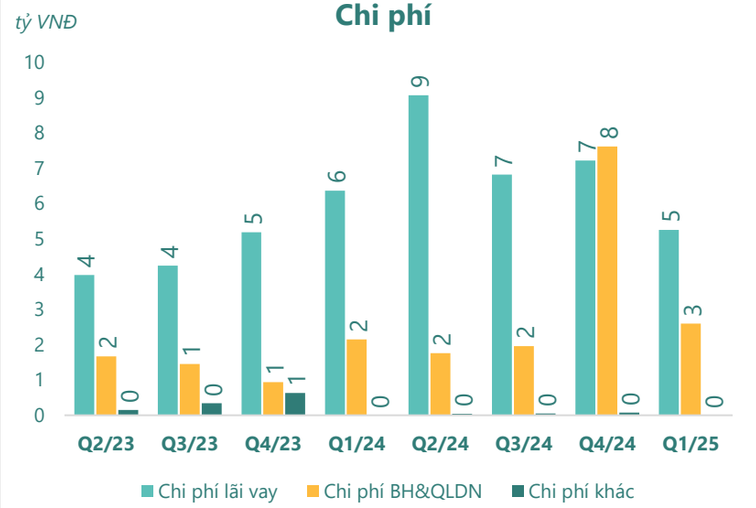
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



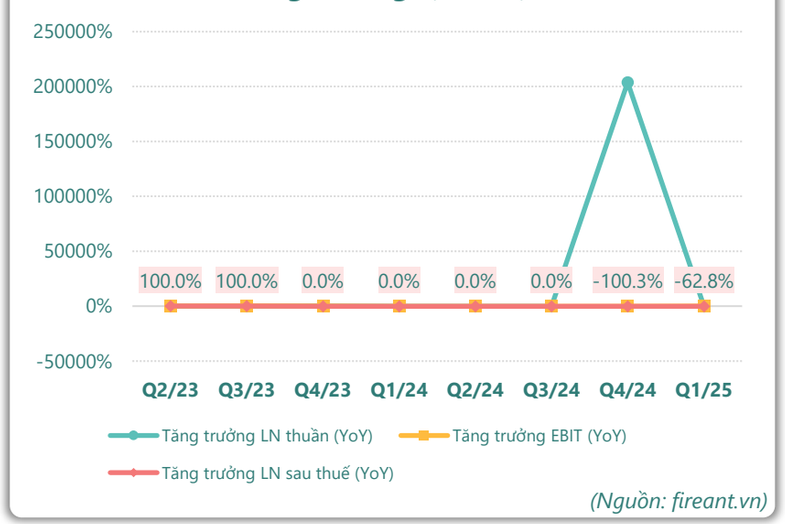
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



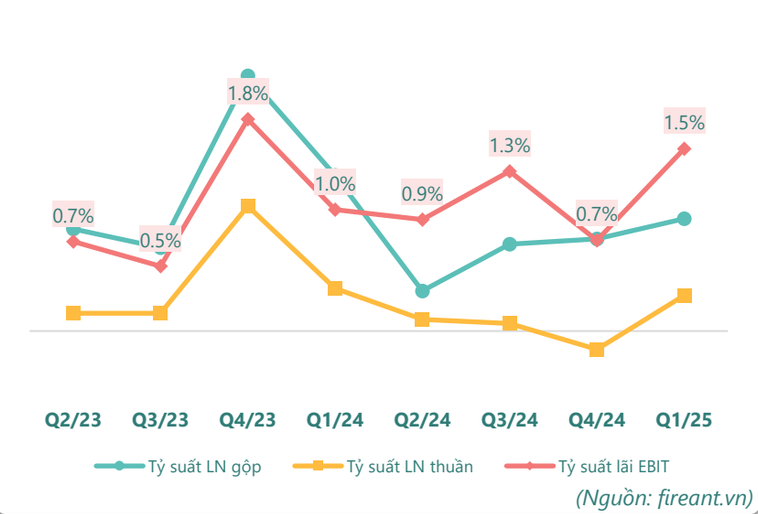
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



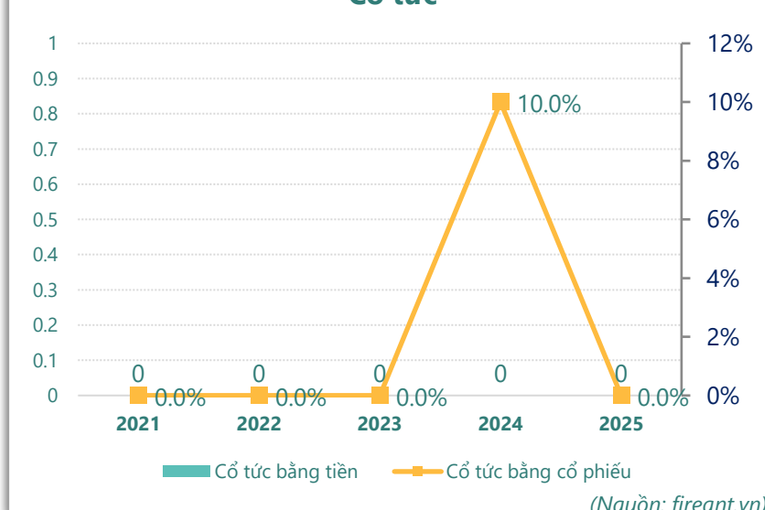
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

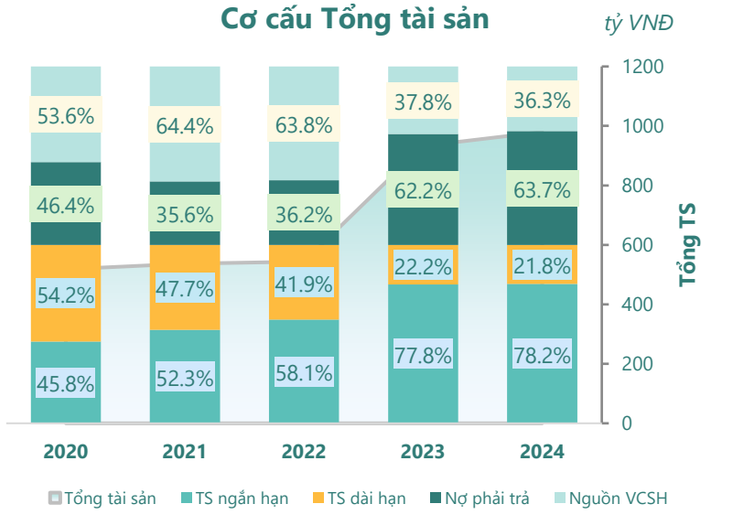
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

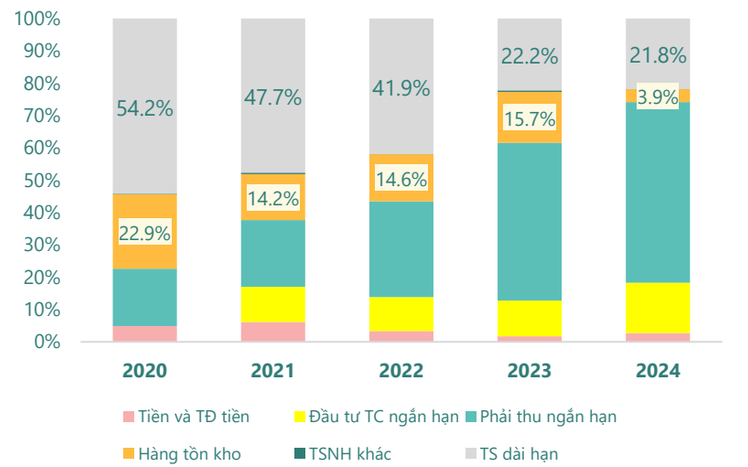
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



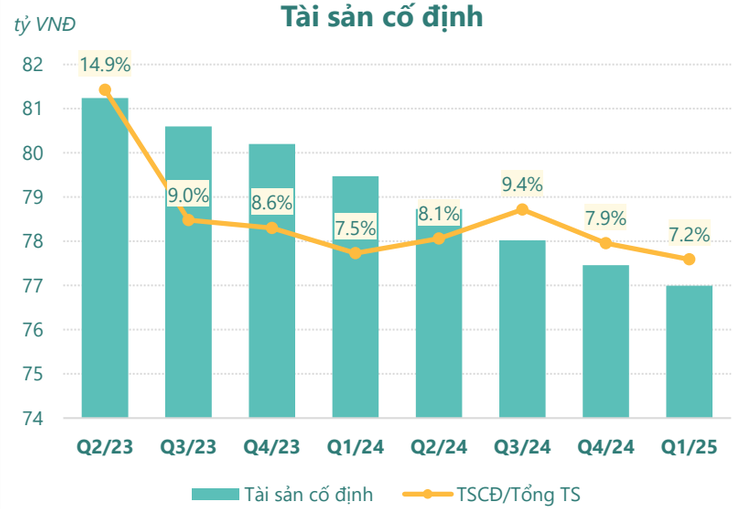
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



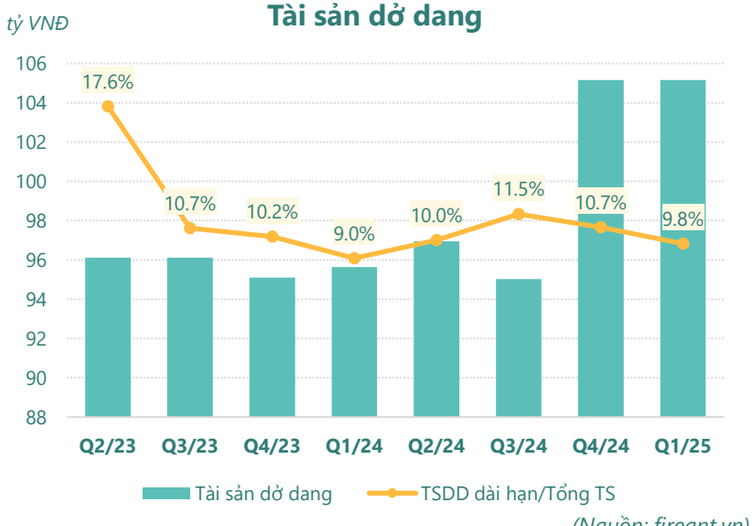
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



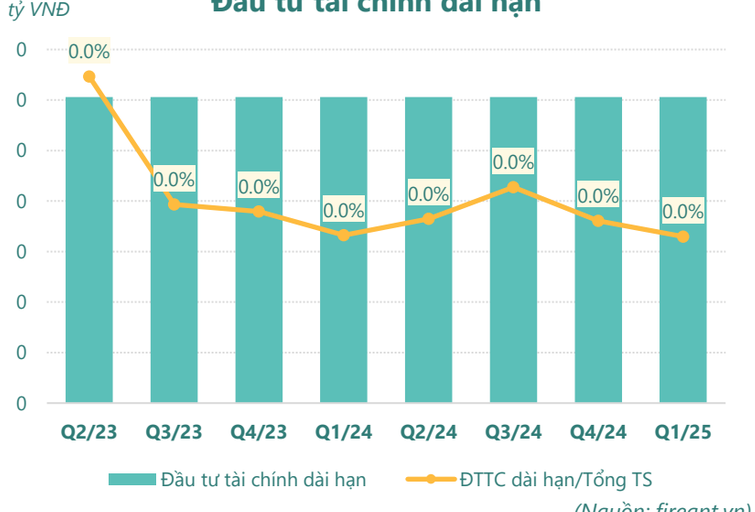
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



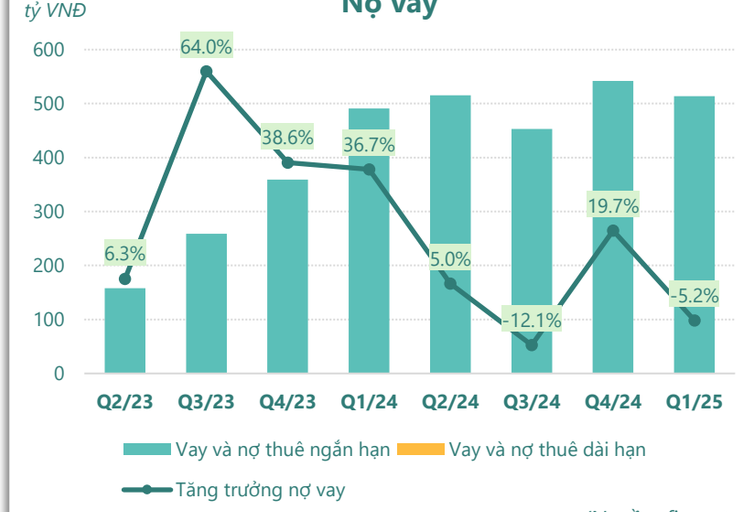
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

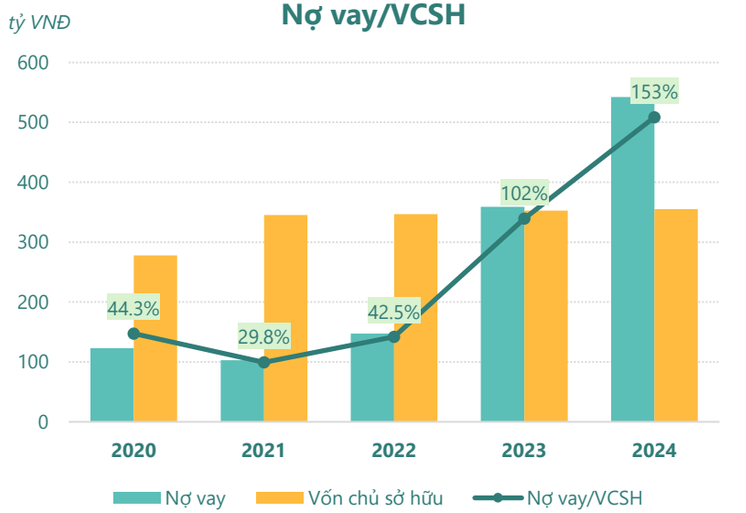
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



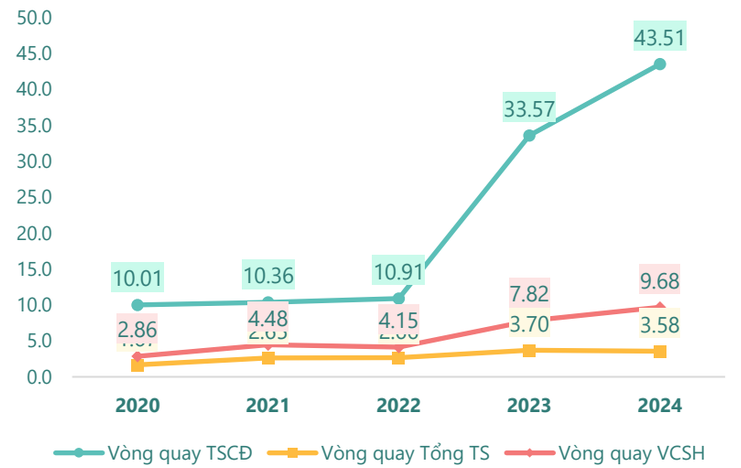
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



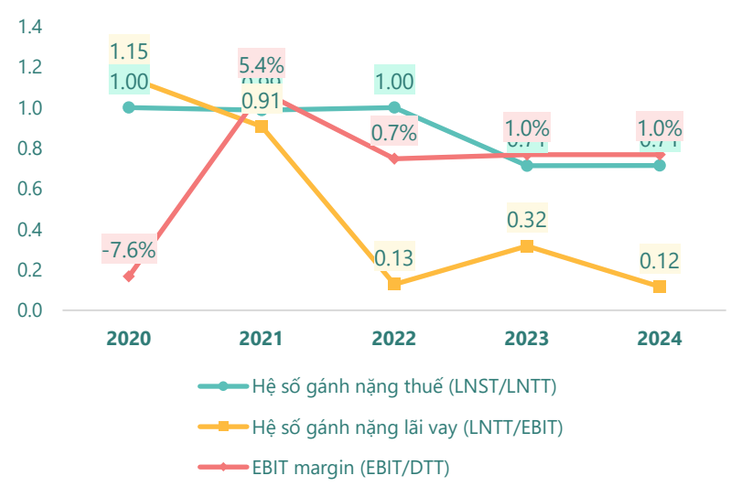
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



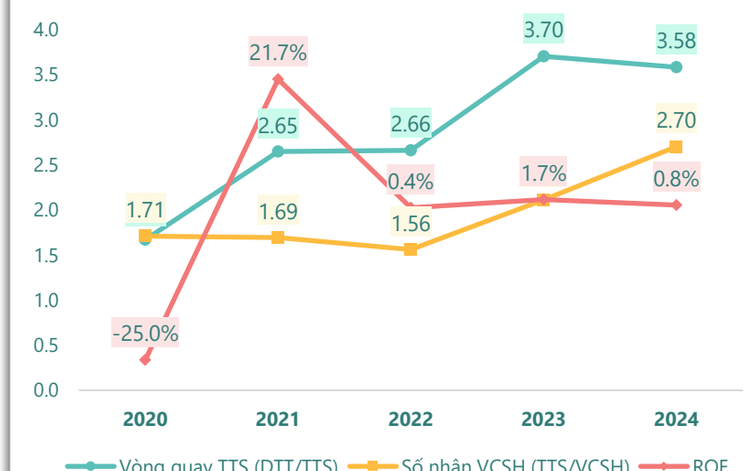
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



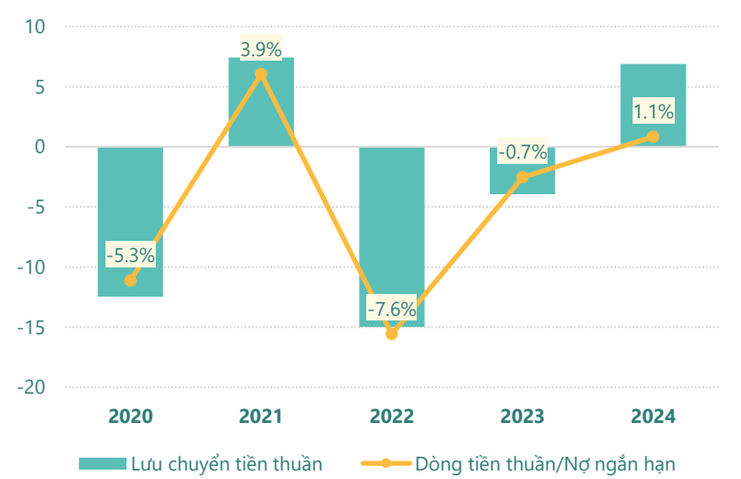
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q1/25	Q1/24	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**434**	**977**	**-55.6%**	**3,426**	**2,732**	**25.4%**
Giá vốn hàng bán	430	964	-55.4%	3,400	2,701	25.9%
Lợi nhuận gộp	4.03	12.6	-68.0%	26.3	30.8	-14.7%
Doanh thu HĐTC	4.91	0.00		18.0	4.04	345%
Chi phí TC	5.06	6.99	-27.6%	27.7	19.9	39.1%
Chi phí lãi vay	5.26	6.37	-17.5%	29.5	18.0	63.7%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0.42	0.36	15.9%	1.65	0.92	79.6%
Chi phí QLDN	**2.18**	**1.80**	**21.1%**	**10.9**	**4.48**	**143%**
LN thuần từ HĐKD	1.28	3.44	-62.7%	4.09	9.60	-57.4%
Lợi nhuận khác	**0.00**	**0.00**		**-0.21**	**-1.22**	**83.1%**
LN trước thuế	1.28	3.44	-62.7%	3.89	8.38	-53.6%
Lợi nhuận sau thuế	**1.02**	**2.76**	**-63.0%**	**2.78**	**5.98**	**-53.6%**
LNST của CĐ cty mẹ	**1.02**	**2.76**	**-63.0%**	**2.78**	**5.98**	**-53.6%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-27.5	-121	-8.74	127	-26.9	32.4
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-69.4	0	-24.5	-61.1	-62.6	0.10
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	99.9	120	36.5	-62.5	89.2	-36.8
Tiền đầu kỳ	12.1	15.6	14.8	20.7	21.3	26.8
Lưu chuyển tiền thuần	**3.08**	**-0.89**	**3.29**	**3.21**	**-0.29**	**-4.24**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	2.69	-2.69	4.26	3.34
Tiền cuối kỳ	15.2	14.8	20.7	21.3	25.2	25.9

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**1,072**	**980**	**9.4%**
Tài sản ngắn hạn	859	766	12.1%
Tiền và tương đương tiền	25.9	26.8	-3.4%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	152	153	-0.5%
Phải thu ngắn hạn	572	547	4.6%
Hàng tồn kho	102	38.7	164%
Tài sản ngắn hạn khác	6.98	0.99	603%
Tài sản dài hạn	**213**	**214**	**-0.3%**
Phải thu dài hạn	0	0.02	-100%
Tài sản cố định	77.0	77.3	-0.4%
Bất động sản đầu tư	29.8	30.0	-0.5%
Tài sản dở dang	105	105	0.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	0.06	0.06	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**1.06**	**1.18**	**-10.9%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	716	625	14.6%
Nợ ngắn hạn	**716**	**625**	**14.6%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	514	542	-5.2%
Phải trả người bán ngắn hạn	66.4	10.2	550%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**356**	**355**	**0.3%**
Vốn chủ sở hữu	**356**	**355**	**0.3%**
Vốn điều lệ	345	314	10.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)